TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-01-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy và bà Phạm Thị Chuộng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 316/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2021, Quyết định hoãn phiên toà số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT: Thôn Quế Lĩnh, xã Thượng Quận, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Thôn Vũ Xá, xã Thượng Quận, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Chị Nh có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Quế Lĩnh, xã Thượng Quận, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Anh Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 03/10/2020, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Nh trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện kết hôn, được UBND xã Thượng Quận, thị xã Kinh Môn cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/6/2007. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, anh Th khi đó còn chưa có việc làm lại thường xuyên uống rượu, năm 2013 và năm 2016 chơi lô đề dẫn đến nợ nần, bỏ nhà đi để chị một mình nuôi 2 con nhỏ, chị có khuyên giải nhưng anh Th không thay đổi còn đánh, chửi và đuổi chị đi, có lần còn ép chị uống thuốc diệt cỏ. Do không thể chịu đựng được nên khoảng tháng 3 năm 2020 chị phải đưa cả 2 con về nhà đẻ sinh

sống và cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh từ đó. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể cùng nhau xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Th.

- *Về con chung:* Anh chị có 2 con chung là cháu Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 26/5/2009 và Nguyễn Tiến H, sinh ngày 13/01/2012, hiện các cháu đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn, quan điểm của chị xin tiếp tục nuôi cả 2 con chung đến khi trưởng thành vì chị thấy rằng anh Th không quan tâm gì đến các con. Chị làm công nhân Công ty Giầy da mức lương bình quân hơn 10 triệu đồng/tháng, thu nhập đủ nuôi con nên chị tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- *Về tài sản, nợ chung:* Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, anh Nguyễn Văn Th trình bày: Anh làm công nhân của Công ty thép Hoà Phát. Anh không đồng ý ly hôn với chị Nh vì lý do anh muốn các con anh có cả bố, mẹ. Hiện cháu T và cháu H đang ở cùng chị Nh, anh không đồng ý để chị Nh nuôi cả 2 con mà anh và chị Nh mỗi người nuôi một con vì anh cũng chăm con từ nhỏ. Anh xác định tài sản không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến, cháu T và cháu H đều xin được ở với mẹ.

Bà Vũ Thị Thoa – là mẹ đẻ chị Nh cho biết: Sau khi kết hôn vợ chồng chị Nh, anh Th chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm, sau khi bố anh Th mất thì anh Th thay đổi hoàn toàn, hay chơi cờ bạc, uống rượu rồi đánh chửi chị Nh, không quan tâm, chăm sóc vợ con, có lần còn bắt chị Nh uống thuốc diệt cỏ. Kể từ khi mâu thuẫn chị Nh đã nhiều lần không chịu đựng được phải về ở với bà, tuy nhiên bà vẫn động viên và hoà giải để vợ chồng anh Th, chị Nh đoàn tụ. Đến đầu năm 2020 thì chị Nh không thể chịu đựng được phải đưa cả 2 con về chung sống với bà đến nay. Từ đó, anh Th cũng không quan tâm đến vợ, con nữa. Nay chị Nh xin ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà đề nghị Toà án giao cả 2 con chung là cháu T và cháu H cho chị Nh trực tiếp nuôi, bà cũng như gia đình sẽ tạo điều kiện tốt nhất về chỗ ở cũng như chăm sóc 2 cháu T và H giúp chị Nh.

Tại biên bản xác minh, ông trưởng thôn Quế Lĩnh cho biết: Anh Th, chị Nh kết hôn từ năm 2007, sinh sống tại thôn Quế Lĩnh, xã Thượng Quận. Quá trình chung sống có mâu thuẫn hay không thì ông không nắm được vì không thấy anh chị đề nghị hoà giải, ông chỉ nắm được hiện chị Nh đã đưa 2 con về nhà ngoại ở cùng xã sinh sống và lý do anh chị sống ly thân là về kinh tế. Còn anh Th đi làm ở Công ty thép Hoà Phát, vẫn sinh sống một mình tại nhà riêng của vợ chồng ở thôn Quế Lĩnh, xã Thượng Quận.

Tại biên bản xác minh, Chủ tịch Hội phụ nữ xã Thượng Quận cho biết: Hội cũng không nắm được tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị Nh, anh Th vì anh chị đi làm công ty và không thấy anh chị đề nghị hoà giải về mâu thuẫn, chỉ nghe nói chị Nh đã đưa 2 con về nhà ngoại sinh sống, ly thân với anh Th.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Th đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải. Tuy nhiên, anh Th không đến và cũng không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Th; xin tiếp tục nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Bị đơn – anh Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho chị Nh ly hôn anh Th theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về con chung: Giao cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng cả 2 con chung là cháu Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 26/5/2009 và Nguyễn Tiến H, sinh ngày 13/01/2012 đến khi trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh Th cấp dưỡng theo quy định tại Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh Th có nơi đăng ký hộ khẩu tại xã Thượng Quận, thị xã Kinh Môn, nên yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, HĐXX xét xử vắng mặt anh Th.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nh và anh Th đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh và các tài liệu khác trong hồ sơ có đủ cơ sở để xác định: Cuộc sống vợ chồng chị Nh, anh Th đã xảy ra mâu thuẫn thời gian dài. Quá trình chung sống vợ chồng không tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Mẹ đẻ chị Nh đã động viên, hoà giải để chị Nh và anh Th đoàn tụ nhưng không thành. Anh Th không đồng ý ly hôn

chỉ với lý do muốn các con của anh chị có bố, mẹ. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ để anh Th tham gia phiên hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Th vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện việc anh Th không mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Chị Nh sống ly thân với anh Th từ tháng 3/2020 đến nay, vẫn cương quyết đề nghị Toà án giải quyết ly hôn. Như vậy, anh, chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Nh, xử cho chị Nh ly hôn anh Th là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Cháu T và cháu H hiện đang ở cùng chị Nh và đều có nguyện vọng ở cùng chị Nh. Chị Nh và anh Th đều có công việc, thu nhập. Chị Nh có nguyện vọng tiếp tục nuôi cả 2 con, anh Th có quan điểm mỗi người nuôi 01 con chung. Xét anh Th ở một mình, chị Nh được mẹ đẻ là bà Thoa tạo điều kiện về chỗ ở cũng như chăm sóc các cháu khi chị Nh đi làm. Để đảm bảo sự phát triển tốt nhất, giữ ổn định cho việc học hành cũng như về nơi ăn chốn ở và tâm lý, nguyện vọng của các cháu, HĐXX thấy, sau khi vợ chồng ly hôn cần giao cả 2 cháu Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 26/5/2009 và Nguyễn Tiến H, sinh ngày 13/01/2012 cho chị Nh tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành là phù hợp; chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Nh, anh Th đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị Nh phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Chị Nh, anh Th có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Nh.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Nh ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 26/5/2009 và Nguyễn Tiến H, sinh ngày 13/01/2012 cho chị Nguyễn Thị Nh tiếp tục trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2018/0004028 ngày 20/10/2020, chị Nh đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc

Nơi nhận:
- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND xã Thượng Quận, thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, VP.